TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ – ST
Ngày: 13 tháng 4 năm 2021
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Đức Trưởng và ông Nguyễn Đức Nghị;
- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Triệu Xuân Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn".
Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2021 giữa:

Nguyên đơn: **Chị Hà Thị H**, sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt);
Bị đơn: Anh **Lê Đức A**, sinh năm 1988 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Xóm C, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ;
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H: **Ông Bùi Đức D** – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2020 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 06/5/2006, chị và anh Lê Đức A đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Th, tỉnh Phú Thọ. Sau khi đăng ký kết hôn, chị và anh Đức A

cùng sinh sống tại xóm C, xã M. Đến đầu năm 2017, chị phát hiện anh Đức A có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên vắng mặt tại nhà, kể từ đó chị bỏ về nhà bố mẹ ở, hai bên đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau nữa.

Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Nay chị xác đình tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, cho chị được ly hôn anh Đức A.

- *Về con chung:* Vợ chồng chưa có con chung.

- *Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về phía bị đơn anh Lê Đức A: Anh Đức A đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình giữa chị H và anh. Tại bản tự khai ngày 20/11/2020, anh Đức A đã trình bày: Anh và chị H có đăng ký kết hôn, trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhỏ, lỗi là do anh, nay chị H xin ly hôn, anh không đồng ý.

- Về con chung: Chưa có;

- Về tài sản, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn: Đề nghị Tòa án xem xét tình trạng quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đức A cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để chấp nhận yêu cầu của chị H. Cho chị H được ly hôn anh Đức A.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật;

Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Chị H và anh Đức A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Đức A là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Về con chung: Chưa có. Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không

xem xét trong vụ án này. Về án phí dân sự, chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Hà Thị H có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cho chị xin ly hôn với anh Lê Đức A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh Đức A về việc thụ lý vụ án ly hôn giữa chị H và anh. Anh Đức A đã trình bày quan điểm, ý kiến của mình về yêu cầu của chị H. Tuy nhiên, anh Đức A cố ý vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị H và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Đức A vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đức A. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Đức A trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 06/5/2009, Achị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Th, tỉnh Phú Thọ. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Quá trình chung sống, vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc; thường xuyên có mâu thuẫn. Hai bên đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được cả Nguyên đơn và Bị đơn xác nhận. Phía anh Đức A không đồng ý ly hôn với chị H vì cho rằng mâu thuẫn chỉ là nhỏ nhặt. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh cố ý vắng mặt, từ chối tham gia phiên họp do Tòa án tiến hành. Như vậy, có thể thấy anh Đức A đã tự chối bỏ các cơ hội để có thể trình bày

nguyện vọng, mong muốn của mình về việc xin đoàn tụ với chị H. Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm là xin ly hôn anh Đức A.

Để xác định tình trạng hôn nhân của chị H và anh Đức A, Tòa án đã tiến hành làm việc với đại diện chính quyền địa phương, khu dân cư nơi anh Đức A và chị H thường trú được biết: Anh Đức A thường xuyên đi làm, chỉ thỉnh thoảng mới về nhà. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đức A theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh Đức A không hòa thuận hạnh phúc; mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng; đời sống chung thực tế đã không còn; mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn anh Đức A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Hai bên xác nhận vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Nguyên đơn, Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Do đó, khi chị H, anh Đức A có yêu cầu thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

2.4. Về án phí: Chị H là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

2.5.Về quyền kháng cáo: Anh Đức A và chị H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Hà Thị H được ly hôn anh Lê Đức A.

2. *Về con chung:* Hai bên xác nhận chưa có con chung.
3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
4. *Án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Hà Thị H phải nộp 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp là 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2019/0003013 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nay được chuyển thành án phí.
5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Hà Thị H và anh Lê Đức A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã Đ, huyện Th;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai